

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST

Ngày 16- 01- 2024

V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Khảm và ông Trần Văn Học

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiếp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Kim Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2023/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 10 năm 2023, về việc tranh chấp về hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1983 (có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1982 (có mặt)

Đều cư trú: Thôn X, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là bà Trần Thị L trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 21, ngày 28 tháng 02 năm 2003. Ngày cưới, bà về làm dâu ngay và làm ăn, ở chung cùng gia đình ông N, được khoảng 04 tháng vợ chồng làm ăn riêng nhưng vẫn ở chung nhà với gia đình ông N. Tình cảm vợ chồng bình thường đến cuối năm 2007 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống, nên không còn quan tâm đến nhau, mỗi người ở riêng một phòng. Từ ngày 19/5/2017, bà đã về ở vào ngôi nhà do bố mẹ bà xây dựng trên diện tích đất của gia đình cho bà. Ông N vẫn thường xuyên đến ăn uống tại nhà bà là do bà thương ông N sức khỏe yếu, kinh tế khó khăn bà cuu mang, nhưng tình cảm yêu thương vợ chồng không còn và không dàn xếp gì với

nhau. Nay bà xác định tình cảm của bà đối với ông N không còn, bà yêu cầu được ly hôn.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn N trình bày: Về thời gian, thủ tục kết hôn và thời gian bà L về nhà bố mẹ đẻ ở như bà L trình bày. Tình cảm vợ chồng bình thường đến năm 2008 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà L làm thầy cúng, nên vợ chồng tuy sống chung một nhà nhưng mỗi người ở một phòng, không quan tâm gì đến nhau. Khi bà L về nhà bố mẹ đẻ, thỉnh thoảng ông đến và ở lại ăn cơm, ông mong muốn hàn gắn tình cảm nhưng bà L không đồng ý, nên ông cũng không có cách nào để dàn xếp đoàn tụ. Nay bà L xin ly hôn, ông không muốn để tiếng cho các con, nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Hai bên xác nhận vợ chồng có 02 con là Nguyễn Tiến A, sinh ngày 12/02/2004 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 11/01/2009. Anh A đã thành niên và hiện đang là sinh viên trường đại học K Hà Nội. Các khoản chi cho học tập, sinh hoạt của anh A chủ yếu do bà L lo liệu đảm bảo. Cháu B đang ở với bà L. Ly hôn, hai bên thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với anh A, còn cháu B cả hai bên đều xin được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu phía bên kia phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Theo bà L, hiện tại bà đang kinh doanh hàng tạp hóa (đổ buôn các mặt hàng như khẩu trang, khăn mặt... cho các cửa hàng tạp hóa trên địa bàn huyện Y), thu nhập khoảng 15.000.000đ/tháng.

Theo ông N, hiện tại ông đang làm thợ đổ bê tông thuê. Khi có công việc thường xuyên thì thu nhập khoảng 6.000.000đ đến 7.000.000đ/tháng; thời gian này ít việc thì thu nhập khoảng 4.000.000đ đến 5.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, khoản có, khoản nợ và đất canh tác: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Hai bên xác nhận không ai giữ tài sản gì của ai.

Về công sức: Tại phiên tòa, hai bên xác nhận bà L có khoảng 04 tháng làm ăn, ở chung cùng gia đình ông N và khoảng 13 năm 11 tháng vợ chồng chung sống với nhau. Trong thời gian này, bà L không cùng gia đình ông N tạo lập được tài sản gì có giá trị lớn. Ly hôn, hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký phiên tòa và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử cho bà Trần Thị L được ly hôn ông Nguyễn Văn N. Về con chung, chấp nhận yêu cầu của bà L, giao cho bà L được tiếp tục nuôi dưỡng cháu B, ông N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Nguyễn Tiến A đã thành niên, hai bên không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Về tài sản chung, tài sản

riêng, công nợ, đất canh tác và công sức: Hai bên không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ giữa bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn N là vợ chồng; bà L yêu cầu xin ly hôn với ông N nên xác định đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Ông N hiện đang cư trú tại xã T, huyện Y, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng bình thường, đến khoảng cuối năm 2007 đầu năm 2008 phát sinh mâu thuẫn và từ ngày 19/5/2017 đến nay mỗi người sống một nơi. Nguyên nhân, theo bà L là do vợ chồng bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống. Theo ông N, là do bà L làm thầy cúng, nên vợ chồng tuy sống chung một nhà nhưng mỗi người ở riêng một phòng, không quan tâm gì đến nhau. Nay bà L xác định tình cảm của bà đối với ông N không còn, bà xin ly hôn; ông N xác định vì các con, ông không đồng ý ly hôn.

Qua lời trình bày của các đương sự và qua thu thập chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận thấy bà L và ông N sống ly thân tình cảm vợ chồng đã nhiều năm và từ ngày 19/5/2017, bà L đã về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay. Mặc dù, ông N vẫn thường xuyên đến ăn uống cùng bà L nhưng hai bên không dàn xếp gì với nhau, tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Việc ông N không đồng ý ly hôn là vì các con, nên mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, không đáp ứng được yêu cầu của ông N mà cần chấp nhận yêu cầu của bà L là phù hợp với quy định tại Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Qua thu thập chứng cứ, bà L và ông N có 02 con như ông bà đã xác nhận. Việc hai bên thống nhất không yêu cầu giải quyết đối với anh Nguyễn Tiến A, sinh ngày 12/02/2004 do đã thành niên, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Đối với cháu B, cả hai bên đều xin được trực tiếp nuôi dưỡng. Xét nguyện vọng xin nuôi con của hai bên đều chính đáng. Tuy nhiên, từ khi vợ chồng sống ly thân nhau, cháu B vẫn ở với bà L, được bà L chăm sóc bảo đảm, tình cảm của cháu gắn bó với bà L nhiều hơn, nguyện vọng của cháu xin được ở với bà L và bà L có việc làm, có thu nhập ổn định hơn so với ông N. Vì vậy, không đáp ứng được yêu cầu của ông N mà cần chấp nhận yêu cầu của bà L là phù hợp với quy định tại Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu B cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L không yêu cầu nên không đặt ra xem

xét giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ, đất canh tác và công sức: Hai bên không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về Ý kiến của Viện Kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Trần Thị L phải chịu 300.000đ, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho bà Trần Thị L được ly hôn ông Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Tiến A, sinh ngày 12/02/2004 do đã thành niên. Bà L và ông N không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Giao cho bà Trần Thị L được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 11/01/2009. Ông Nguyễn Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Trần Thị L phải chịu 300.000đ, được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: 0001826, ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Bà L đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND huyện Yên Lạc;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Yên Lạc;
- Ủy ban nhân dân xã T;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thị Mai Hương